

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 2019  
Công ty Vận Tải Đường Sắt Sài Gòn

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, kết quả các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018 và kết quả kiểm toán năm 2018 của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 như sau:

**1. Cơ cấu thành viên BKS**

BKS Công ty gồm:

Vũ Đình Điệp – Trưởng ban (Chuyên trách);

Nguyễn Thị Hồng Mai – Kế toán XN Toa xe Sài Gòn (kiêm nhiệm);

Bùi Thị Hải yến – Kế toán Đoàn tiếp viên ĐS Phương Nam (kiêm nhiệm).

**2. Hoạt động của Ban Kiểm soát.**

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo tính phù hợp của các quyết định trong việc xây dựng định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương, nghị quyết của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, BKS tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.

Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để BKS hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp của BKS để triển khai các văn bản liên quan và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán, quản trị và điều hành Công ty.

Đã phối hợp cùng Phòng TCKT Công ty tiến hành kiểm tra công tác tài chính kế toán tại các Chi nhánh nhằm xem xét, đánh giá, góp ý và trao đổi trực tiếp với các phòng chức năng tại các đơn vị; phát huy những ưu điểm và khắc phục những tồn tại trong việc quản lý, hạch toán kế toán và các tài liệu khác.

Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm 2018 của Công ty

Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về thẩm quyền của BKS.

### **3. Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:**

Về đánh giá kết quả các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018; Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả hoạt động năm 2018 của HĐQT về các mặt: kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản lý công nợ và các mặt công tác khác của Công ty, những vấn đề còn tồn tại và cần quan tâm chỉ đạo thực hiện trong năm 2019.

Năm 2018 Công ty tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức: sự cạnh tranh gay gắt của các loại hình vận tải khác; chất lượng phương tiện (đầu máy, toa xe) cũ kỹ lạc hậu; cơ sở hạ tầng, năng lực chạy tàu chưa được cải thiện, hiện tượng xóc lắc còn nhiều ảnh hưởng đến chất lượng phương tiện; thiếu vốn đầu tư; tỷ lệ tàu đi đến đúng giờ đạt thấp gây ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ...; các vụ tai nạn giao thông đường sắt liên tiếp xảy ra trong năm 2018 đã tác động làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty; ngoài ra phải giải quyết một loạt các chi phí tồn đọng của năm 2017 chuyển sang.

Tập thể Ban lãnh đạo và người lao động Công ty đã có nhiều cố gắng thực hiện các giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đưa ra các hình thức kinh doanh mới và nâng cao chất lượng dịch vụ như: liên kết với các công ty, hiệp hội du lịch; phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ mới; đầu tư đóng mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018-2020, tập trung cho công tác an toàn toa xe – an toàn hành khách, nâng cao chất lượng phục vụ

vận tải đã tạo được tiếng vang lớn trong dư luận, gây hiệu ứng tốt, thu hút hành khách đi tàu ... Các chỉ tiêu sản lượng doanh thu 2018 đều tăng trưởng cao so cùng kỳ (doanh thu vận tải đạt 1.852,5 tỷ đồng tăng 14,1% so với cùng kỳ). Tuy nhiên do phải giải quyết một loạt các chi phí tồn đọng của năm 2017 chuyển sang, chi phí phát sinh cho an toàn chạy tàu, chi phí tăng khấu hao - trả nợ vốn vay đầu tư đóng mới toa xe, chi phí tăng ĐHGTVT trả cho TCTĐSVN... nên chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là - 905 triệu đồng không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2018 đề ra.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty đã được phản ánh đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo tài chính năm 2018 được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN CO.,LTD) kiểm toán.

Cụ thể:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	2.077.558.810.878
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	2.077.544.232.878
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	âm (23.197.136.206)
4. Lợi nhuận khác:	22.292.337.394
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN:	âm (904.798.812)
6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu:	163

*( Chi tiết tại Phụ lục số 1 )*

#### **4. Công tác đầu tư phát triển:** ( Tổng mức đầu tư chưa VAT / Thực hiện )

4.1. Máy móc, thiết bị:	1.657.000.000 / 1.366.380.000
4.2. Đầu tư mới, NCCT toa xe:	359.500.000.000 / 346.351.100.000
4.3. Công trình kiến trúc:	8.100.000.000 / 7.508.210.000
<b>Tổng cộng:</b>	<b>369.257.000.000 / 355.225.690.000</b>

*( Chi tiết tại Phụ lục số 2 )*

#### **5. Thẩm định báo cáo tài chính:**

Báo cáo tài chính năm 2018 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.

Các báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN CO.,LTD) là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

Thông nhất với ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty “báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt

động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Công tác báo cáo, công bố thông tin định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN; Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được thực hiện theo đúng nội dung quy định của một Công ty niêm yết.

### **Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018**

<b>5.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN – TÀI SẢN NGẮN HẠN:</b>	<b>388.902.604.024</b>
- Tiền và các khoản tương đương tiền:	149.651.430.593
- Các khoản phải thu ngắn hạn:	58.488.239.096
- Hàng tồn kho:	112.504.585.887
- Tài sản ngắn hạn khác:	68.258.348.448
<b>5.2. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN – TÀI SẢN DÀI HẠN:</b>	<b>1.083.145.768.310</b>
- Các khoản phải thu dài hạn:	204.000.000
- Tài sản cố định:	950.584.854.876
- Bất động sản đầu tư:	12.077.840.253
- Tài sản dở dang dài hạn:	80.081.541.901
- Tài sản dài hạn khác:	40.197.531.280
<b>Tổng cộng tài sản:</b>	<b>1.472.048.372.334</b>
<b>5.3. NỢ PHẢI TRẢ:</b>	<b>968.246.627.632</b>
- Ngắn hạn:	566.222.322.625
- Dài hạn:	402.024.305.007
<b>5.4. NGUỒN VỐN:</b>	<b>1.472.048.372.334</b>
- Vốn chủ sở hữu:	503.801.744.702

*( Chi tiết tại Phụ lục số 3 )*

## Một số chỉ tiêu phân tích tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2018	Phân tích
<b>I</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,69	Không tốt
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,37	Không tốt lắm
<b>II</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>			
1	Hệ số nợ / Tổng tài sản	Lần	0,66	66% TS của Cty hình thành từ nguồn vốn chiếm dụng (vốn vay, nợ phải trả), 30% TS hình thành từ vốn tự có
2	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	1,92	Vốn chiếm dụng (vốn vay, nợ phải trả) = 1.92 lần VCSH)
<b>III</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	19	Vòng quay HTK năm trước = 22.
2	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,41	1Đ TS tạo ra 1,41 đ DT
<b>IV</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>			
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-0,04%	Chưa hiệu quả
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	-0,18%	"
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	-0,06%	"
4	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	-0,04%	"

### Nhận xét đánh giá các chỉ tiêu tại ngày 31/12/2018:

Tỷ lệ Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn là 0,69; Công ty không đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

Tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu 1,92 lần; Tỷ lệ này >1; Công ty không đủ vốn chủ sở hữu để hoạt động.

Ngoài ra hàng tồn kho là vật tư chủ yếu dùng cho sửa chữa toa xe > 112 tỷ đồng, chiếm dụng vốn kinh doanh rất lớn.

### 6. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018:

Năm 2018 Công ty đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch dẫn đến tăng khấu hao, tăng chi phí vay vốn đầu tư. Đồng thời phát sinh tăng nhiều chi phí do một số yếu tố khách quan bất khả kháng khác đã ảnh hưởng đến năng suất lao động và lợi nhuận của Công ty. Do vậy Công ty đã đánh giá, tính toán, lượng hóa thành số liệu cụ thể

các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động và lợi nhuận để loại trừ khi xác định tiền lương, thù lao thực hiện, cụ thể như sau:

- Đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh (nâng cấp cải tạo toa xe các ram tàu SNT1/2, đầu tư mới 30 toa xe khách, máy hàn gờ bánh xe, máy tiện đứng chuyên dùng, hệ thống giặt ủi CN, trạm biến áp 250 KVA,...) dẫn đến tăng trích khấu hao (49,5 tỷ), tăng chi phí vay vốn đầu tư (29,4 tỷ).

- Giá nhiên liệu tăng do nhiên liệu dùng cho máy phát điện tăng (6,3 tỷ);

- Giá nhiên liệu năm 2018 tăng so với hợp đồng ĐH GTĐS ký với TCT là 25,7 tỷ;

- Phát sinh chi phí đền bù tai nạn (4,6 tỷ đồng);

- Một số chi phí phát sinh khác: Chi phí ĐHGTVT tăng do áp dụng phương án giá mới; số lượng toa xe sửa chữa các cấp tăng, giá vật liệu tăng, trợ cấp thôi việc tăng, chi suất ăn miễn phí (bảo lữ, chậm tàu...); chi suất ăn miễn phí tàu SE3/4; chi phí BHXH, YT, TN, KPCĐ tăng do lương tối thiểu vùng tăng,...

Tổng cộng các chi phí tăng thêm do các yếu tố khách quan được xác định là **78,9** tỷ (chỉ bao gồm các khoản chi phí tăng do đầu tư mở rộng sản xuất là khấu hao và lãi vay ngân hàng). Sau khi loại trừ các yếu tố khách quan như trên, kết quả SXKD năm 2018 :

<b>Chi tiêu</b>	<b>Kế hoạch năm 2018 (NQ ĐHCĐ)</b>	<b>Thực hiện năm 2018</b>	<b>Thực hiện năm 2018 (sau khi loại trừ các yếu tố khách quan)</b>	<b>Tỷ lệ TH2018 /KH2018</b>
1. Tổng doanh thu	2.029.544.000.000	2.100.714.509.447	2.100.714.509.447	103,5%
2. Tổng chi phí (không lương)	1.730.248.800.000	1.815.594.514.259	1.736.328.239.196	100,4%
<i>Chi phí vận tải</i>		1.683.346.236.582	1.604.079.961.519	
<i>Chi phí hỗ trợ vận tải</i>		99.438.502.480	99.438.502.480	
<i>Chi phí tài chính</i>		32.184.144.251	32.184.144.251	
<i>Chi khác</i>		625.630.946	625.630.946	
$\Sigma$ DT- $\Sigma$ CP (không lương)	299.295.200.000	285.119.995.188	364.386.270.251	121,7%
3. Lợi nhuận	12.500.000.000	-904.798.812	78.361.476.251	
4. Lao động bình quân	2.400	2.393,50	2.393,50	99,7%
5. Lao động quản lý	10	10,0	10,0	100,0%
6. Năng suất lao động	124.706.333	119.122.622	152.239.929	122,1%

- Lựa chọn độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2018. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty kiểm toán TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN CO.,LTD) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

## **7. Các hoạt động công tác khác:**

- Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của CBCNV được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

+ Thực hiện ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

+ Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV.

+ Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, ốm đau, bệnh tật được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động trong Công ty.

- Các tổ chức chính trị xã hội: công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp.

## **8. Đánh giá của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm 2018, BKS không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty.

Báo cáo hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại trong năm 2018 và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2019. BKS thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc trong năm 2018 về các mặt của Công ty.

### **8.1 Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị đã chấp hành, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nghị quyết của HĐQT TCT ĐSVN, chỉ đạo quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018, thực hiện chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty; chỉ đạo tốt công tác ứng phó bão lũ và sự cố tai nạn đường sắt; tổ chức chuyên tải hành khách, hàng hóa thuận tiện, hợp lý và hiệu quả; tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT để quyết định kế hoạch đầu tư năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty; chỉ đạo hoàn thành xây dựng, sửa đổi các quy định, các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với hình thức công ty cổ phần và quy định của pháp luật.

Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời Ban điều hành trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện đúng các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT được ban hành tuân thủ theo thẩm quyền của HĐQT, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

## **8.2 Ban điều hành:**

Ban điều hành (BDH) đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT; nỗ lực trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, ứng phó kịp thời với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của ngành Đường sắt, đặc biệt trong thời gian giải quyết sự cố tai nạn, bão lũ, chỉ đạo tổ chức chuyển tải hành khách, hàng hóa thuận tiện, hợp lý và hiệu quả; phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, các nội quy Công ty trong điều hành SXKD. Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, đưa ra các quyết định kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường.

## **9. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Quan hệ với HĐQT:

HĐQT cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BKS kiến nghị và đề xuất với HĐQT để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT đã xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý.

- Quan hệ với Ban Tổng Giám Đốc:

Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của BKS.

Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm soát, BKS kiến nghị đề xuất với Tổng giám đốc Công ty để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Tổng giám đốc đã xem xét để đưa ra kết luận và kiến nghị xử lý.

Tổng giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của BKS; cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của BKS tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết.

- Quan hệ với các Đơn vị, Bộ phận điều hành:

Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của BKS, đoàn kiểm tra và ý kiến của Tổng giám đốc.



Chịu trách nhiệm khắc phục các kiến nghị của BKS theo chỉ đạo của Tổng giám đốc.

- Trong quá trình hoạt động, BKS nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng nghiệp vụ, Đơn vị trực thuộc để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHCĐ giao.

### **10. Kế hoạch công tác năm 2019 của Ban Kiểm soát:**

BKS thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

BKS tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty tại Cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

### **11. Nhận xét, kiến nghị:**

Trong năm 2018 BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, BKS và cán bộ quản lý công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

#### **Kiến nghị:**

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính ĐHCĐ giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và đúng pháp luật.

- Tập trung xây dựng bộ máy điều hành sản xuất kinh doanh tinh gọn hiệu quả đáp ứng tốt công việc quản lý và điều hành sản xuất. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh vận tải. Chú trọng công tác truyền thông, thông tin cần thiết đối với khách hàng.

- Tăng vốn điều lệ tại thời điểm phù hợp đảm bảo đủ nguồn vốn đối ứng dự án và kế hoạch SXKD.

- Đề nghị HĐQT tiếp tục xây dựng kế hoạch trung dài hạn định hướng phát triển và cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động SXKD của Công ty.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của BKS theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể; duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của BKS năm 2018. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, BKS trân trọng báo cáo trình trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua và xác nhận báo cáo của BKS. BKS cũng xin chân thành cảm ơn các Cổ đông, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, toàn thể nhân sự các khối phòng và đơn vị đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện nhiệm vụ của mình đối với cổ đông.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp.

*Trân trọng báo cáo Đại hội.*

**T/M. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- HĐQT; Ban TGD Cty;
- Lưu: VT, BKS.

Vũ Đình Điệp

**Phụ lục số 1**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2018**

*Đơn vị tính: VND*

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>2.077.558.810.878</b>	<b>1.961.393.089.516</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	14.578.000	110.806.263.899
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>2.077.544.232.878</b>	<b>1.850.586.825.617</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.902.373.458.933	1.714.745.106.548
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>175.170.773.945</b>	<b>135.841.719.069</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	252.308.229	280.806.908
7	Chi phí tài chính	22	VI.05	32.184.144.251	1.941.473.625
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>32.094.144.251</i>	<i>1.868.746.352</i>
8	Chi phí bán hàng	25	VI.08	120.836.188.101	90.132.859.310
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	45.599.886.028	47.755.864.386
10	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(23.197.136.206)</b>	<b>(3.707.671.344)</b>
11	Thu nhập khác	31	VI.06	22.917.968.340	18.851.398.447
12	Chi phí khác	32	VI.07	625.630.946	4.008.270.070
13	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>22.292.337.394</b>	<b>14.843.128.377</b>
14	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(904.798.812)</b>	<b>11.135.457.033</b>
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	2.943.648.630
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(904.798.812)</b>	<b>8.191.808.403</b>
18	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.10</b>	<b>(18)</b>	<b>163</b>
19	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.11</b>	<b>(18)</b>	<b>163</b>

**Phụ lục số 2**  
**CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 2018**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên hạng mục, công trình đầu tư	SL	ĐVT	Địa điểm đầu tư	Tổng mức đầu tư (chưa VAT)	Thực hiện	Ghi chú/ tiến độ thực hiện
<b>A</b>	<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ</b>				<b>1.657,00</b>	<b>1.366,38</b>	
1	Máy hàn gờ bánh xe	1	hệ	XNTX Sài Gòn	270,00	268,38	QT tháng 12/2018
2	Đầu tư mới 01 lò hấp nướng đa năng	1	Máy	XNTX Sài Gòn	87,00	87,00	Xong T02/2019, đang QT
3	Máy tiện đứng chuyên dùng	1	hệ	XNTX Sài Gòn	1.300,00	1.011,00	Xong T02/2019, đang QT
<b>B</b>	<b>ĐẦU TƯ MỚI &amp; NCCT TOA XE</b>				<b>359.500,00</b>	<b>346.351,10</b>	
1	Nâng cấp cải tạo toa xe các ram tàu SNT1/2	29	xe	Công ty VTSG	54.500,00	54.315,91	Dự án không vay nên thiếu vốn cần bổ sung năm 2019
2	Đầu tư mới 30 toa xe khách của năm 2017	30	xe	Công ty VTSG	305.000,00	292.035,19	(Vay 219,58 tỷ + vốn đối ứng 85 tỷ-QT 292,035 tỷ),
<b>C</b>	<b>CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC</b>				<b>8.100,00</b>	<b>7.508,21</b>	
1	NCCT văn phòng CN Miền Bắc			CN VTĐS MB	1.200,00	1.186,47	Đã Quyết toán T4/2018
2	Hệ thống giặt ủi CN			Đoàn tiếp viên ĐS Phương Nam	6.300,00	5.721,74	Xong Tháng 01/2019, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán
3	Trạm biến áp 250 KVA				600,00	600,00	
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>369.257,00</b>	<b>355.225,69</b>	

**Phụ lục số 3**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>388.902.604.024</b>	<b>373.494.843.706</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>149.651.430.593</b>	<b>98.424.867.114</b>
1	Tiền	111	V.01	149.651.430.593	98.424.867.114
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58.488.239.096</b>	<b>118.155.879.485</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	23.197.603.519	33.846.964.225
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	23.384.629.895	8.922.787.413
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	11.906.005.682	75.451.752.847
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(65.625.000)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>112.504.585.887</b>	<b>92.124.314.209</b>
1	Hàng tồn kho	141		112.504.585.887	92.124.314.209
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>68.258.348.448</b>	<b>64.789.782.898</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	57.631.369.220	25.955.577.259
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.371.255.681	37.233.964.329
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	3.255.723.547	1.600.241.310
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>1.083.145.768.310</b>	<b>966.825.838.949</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>204.000.000</b>	<b>204.000.000</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	204.000.000	204.000.000
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>950.584.854.876</b>	<b>732.306.227.191</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	950.584.854.876	732.306.227.191
	- Nguyên giá	222		2.311.964.932.189	2.001.685.327.693
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.361.380.077.313)	(1.269.379.100.502)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	-
	- Nguyên giá	228		386.400.000	2.372.025.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(386.400.000)	(2.372.025.000)
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.09</b>	<b>12.077.840.253</b>	<b>14.531.787.141</b>
1	Nguyên giá	231		60.325.409.063	60.325.409.063
2	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(48.247.568.810)	(45.793.621.922)
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.06</b>	<b>80.081.541.901</b>	<b>188.904.297.705</b>
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		80.081.541.901	188.904.297.705
<b>V</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>40.197.531.280</b>	<b>30.879.526.912</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	40.197.531.280	30.879.526.912
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.472.048.372.334</b>	<b>1.340.320.682.655</b>

<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>968.246.627.632</b>	<b>828.628.164.934</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>566.222.322.625</b>	<b>620.945.391.106</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	190.501.689.749	372.524.862.379
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.672.442.255	3.050.403.433
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.258.257.377	9.263.038.261
4	Phải trả người lao động	314		40.027.223.999	35.149.386.305
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	-	641.208.300
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	190.370.816.000	179.591.070.546
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	25.243.813.245	8.781.998.184
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	105.148.080.000	11.818.800.000
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	-	124.623.698
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>402.024.305.007</b>	<b>207.682.773.828</b>
1	Phải trả người bán dài hạn		V.12	62.253.544.297	77.816.930.373
7	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1.719.291.450	2.004.591.450
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	337.932.289.415	127.653.764.422
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	119.179.845	207.487.583
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>503.801.744.702</b>	<b>511.692.517.721</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>503.801.744.702</b>	<b>511.692.517.721</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		503.100.000.000	503.100.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		503.100.000.000	503.100.000.000
		a			
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.606.543.514	400.709.318
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(904.798.812)	8.191.808.403
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421		-	-
		a			
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421		(904.798.812)	8.191.808.403
		b			
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.472.048.372.334</b>	<b>1.340.320.682.655</b>